TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 66/2022/QĐST-HNGĐ	*Tp. Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:*Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 62 Ka Pa Kơ L, thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Q và anh Võ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Võ Văn T - thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Võ Văn Đ, sinh ngày 03/9/2009 và Võ Hải Đ, sinh ngày 24/6/2012. Anh Võ Văn T trực tiếp nuôi con Võ Linh Đan, sinh ngày 20/7/2018. Không ai

phải cấp dưỡng nuôi con. Thời gian nuôi con kể ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T, chị Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con

-Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Q tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000634 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Q 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- UBND p. Thống nhất, TP K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Mai Thị Thu